TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** THÀNH PHỐ C	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28/4/2023
V/v "*Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Vũ Linh.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông **Phạm Văn Vĩ.**

2/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú.**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Hạnh Nhung –** Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa*:** Ông **Trần Bảo Quốc** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2023 về việc "*Xin ly hôn".*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 144/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1980 (Xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số 312A, khu vực 1, phường B, quận C, thành phố C.

2. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 312A, khu vực 1, phường B, quận C, thành phố C.

Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ số 252A, khu vực 2, phường B, quận C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày và yêu cầu*: Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận C, thành phố C vào ngày 15/9/2006. Trong thời gian chung sống giữa bà với ông D phát sinh mâu thuẫn do không tìm ra tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên cãi vả, không thể hàn gắn với nhau,

giữa bà và ông D đã ly thân với nhau từ cuỗi năm 2019 đến nay. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà với ông D có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Như (nữ), 09/11/2003 và Nguyễn Phú Q (nam), sinh ngày 27/12/2000 (hai con chung đã trưởng thành), nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông D không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập 02 (hai) lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án trên theo quy định, cụ thể vào các ngày 06/3/2023 và ngày 22/3/2023, tuy nhiên ông D vắng mặt mà không có lý do. Cho nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục tố tụng. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết đúng quy định; Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải, thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật; không phát hiện vi phạm.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Thảo yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, đây là quyền của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với bị đơn ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt mà không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; đối với tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà H cho rằng không có, không có yêu cầu, riêng bị đơn ông D vắng mặt, nên chưa làm rõ được trong vụ án này, đề nghị tách ra giải quyết thành vụ án khác, nếu đương sự có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn D tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường B, quận C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 15/9/2005, nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, không đạt được hạnh phúc như mong muốn nên bà H có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông D, quan hệ tranh chấp được xác định là "Xin ly hôn", vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị H có yêu cầu xét xử vắng mặt, xét đây là quyền của đương sự và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng ông D vắng mặt mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà H và ông D là hợp pháp trên cơ sở tự nguyện, trong thời gian chung sống thì tình cảm vợ chồng có sự rạn nứt, mâu thuẫn với nhau dẫn đến ly thân từ năm 2019 đến nay, giữa hai người không tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn, không hàn gắn tiếp tục cuộc sống hôn nhân đã được xây dựng, theo bà H cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả, không thể hàn gắn và mâu thuẫn ngày càng lớn nên không thể đoàn tụ với nhau.

Xét thấy để xây dựng hạnh phúc của gia đình, cũng như cuộc sống của vợ chồng phải được vun đắp từ tình cảm thật sự xuất phát từ bản thân của cả người vợ và người chồng, sự tự nguyện cả hai người đồng thời cùng duy trì, giữ gìn hạnh phúc đã xây dựng, cùng chăm lo cho nhau và nuôi dạy con chung, nhưng bà H và ông D không làm được điều này. Bà H cho rằng không còn tình cảm, không thể hàn gắn và kiên quyết được ly hôn với ông D, nếu gán ép, duy trì sẽ không mang lại hạnh phúc. Riêng đối với bị đơn ông D đã được Tòa án thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng ông D vắng mặt mà không

có lý do, không đưa ra ý kiến hay giải pháp nào để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau, chứng tỏ ông D không còn tha thiết duy trì cuộc hôn nhân với bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông D không đạt được, đời sống chung thực tế không tồn tại, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông D là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Nguyễn Phú Q (nam), sinh ngày 27/12/2000 và Nguyễn Thị Quỳnh Như (nữ), 09/11/2003, hai con chung đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không có yêu cầu giải quyết, riêng ông D vắng mặt nên chưa làm rõ; nên sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Nguyễn Phú Q (nam), sinh ngày 27/12/2000 và Nguyễn Thị Quỳnh Như (nữ), 09/11/2003, hai con chung đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không có yêu cầu giải quyết, riêng ông D vắng mặt nên chưa làm rõ; nên sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008921 ngày 13 tháng

02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C; bà H đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định; để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Vũ Linh

* ***Nơi nhận***:
- TAND Tp.C;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- UBND P.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS.